

Số: 03.2025/CBTT-KHD

Hải Dương, ngày 17 tháng 03 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: KHD
- Địa chỉ: Số 87 Vũ Mạnh Hùng, khu dân cư số 2, phường Phú Thứ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
- Điện thoại liên hệ/Tel:..... Fax:
- Email: Hamicokshd@gmail.com
- Website: Khoangsanhaiduong.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2024
 - BCTC riêng ;
 - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 17/03/2025 tại đường dẫn: <http://khoangsanhaiduong.com> – **Mục thông tin cổ đông - Báo cáo tài chính**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng năm 2024

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



NGUYỄN HỮU KHIÊM



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC, CHÉ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024



Thành viên hãng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024



Tháng 3 năm 2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG B	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ RIÊNG	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Ngô Quang Huy	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 25/04/2024)
Ông Vũ Thắng Bình	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 25/04/2024)
Ông Đào Văn Dũng	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Hồng Thịnh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/04/2024)
Ông Đoàn Văn Cường	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/04/2024)
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/04/2024)
Ông Hồ Văn Tuấn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/04/2024)

Ban kiểm soát

Ông Bùi Văn Quang	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 04/12/2024)
Ông Bùi Văn Quang	Thành viên (Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 03/12/2024)
Ông Cao Văn Cẩn	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 04/12/2024)
Ông Hồ Văn Tuấn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/04/2024)
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/04/2024)

Ban Giám đốc

Ông Đào Văn Dũng	Giám đốc
Ông Đoàn Văn Cường	Phó Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Đào Văn Dũng - Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đào Văn Dũng
Giám đốc
Ngày 14 tháng 03 năm 2025

11-1 03-14-25 121

Số: 031403/2025/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông,
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 03 năm 2025, từ trang 6 đến trang 22 bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính đo gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II - Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng và năm tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty đang ngừng hoạt động do các mỏ đã được cấp phép đã hết thời hạn khai thác. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 của Công ty đang bị lỗ với số tiền là 2.897.356.620 đồng, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm âm 3.294.967.165 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nêu trên.



Lê Quốc Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3384-2025-072-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA)
Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Dư Thị Kiều Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5193-2025-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		24.754.454.030	15.679.754.306
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.262.982.916	3.449.475.499
1. Tiền	111		762.982.916	949.475.499
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.500.000.000	2.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8.500.000.000	6.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	8.500.000.000	6.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.911.421.499	4.552.448.482
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.552.959.500	1.583.137.012
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		27.000.000	67.500.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4a	2.800.000.000	2.800.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	10.084.421.499	1.654.770.970
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.552.959.500)	(1.552.959.500)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.080.049.615	1.177.830.325
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		380.033.141	247.904.219
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9a	700.016.474	929.926.106
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		30.272.827.412	42.211.724.940
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.800.000.000	15.122.631.773
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4b	2.800.000.000	5.600.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	-	9.522.631.773
II. Tài sản cố định	220		340.549.912	386.815.667
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	340.549.912	386.815.667
- Nguyên giá	222		2.495.223.143	5.201.012.234
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.154.673.231)	(4.814.196.567)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.8	27.132.277.500	26.702.277.500
1. Đầu tư vào công ty con	251		27.132.277.500	27.132.277.500
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(430.000.000)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		55.027.281.442	57.891.479.246

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		12.202.745.820	12.119.587.004
I. Nợ ngắn hạn	310		10.902.083.050	5.658.354.230
1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9b	8.076.000	-
2. Phải trả người lao động	314		95.756.000	94.785.000
3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		50.000.000	50.000.000
4. Phải trả ngắn hạn khác	319		22.997.873	19.275.523
5. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.10	10.690.891.827	5.435.006.421
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		34.361.350	59.287.286
II. Nợ dài hạn	330		1.300.662.770	6.461.232.774
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.10	1.300.662.770	6.461.232.774
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.11	42.824.535.622	45.771.892.242
I. Vốn chủ sở hữu	410		42.824.535.622	45.771.892.242
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.628.180.000	32.628.180.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32.628.180.000	32.628.180.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.196.355.622	13.143.712.242
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		13.093.712.242	15.633.746.585
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(2.897.356.620)	(2.490.034.343)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		55.027.281.442	57.891.479.246

Trần Thị Vân
Người lập biểu
Ngày 14 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Hữu Khiêm
Kế toán trưởng



Đào Văn Dũng
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	359.523.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		-	359.523.000
4. Giá vốn hàng bán	11		-	310.216.021
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		-	49.306.979
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.1	765.021.419	1.329.644.911
7. Chi phí tài chính	22	VI.2	(430.000.000)	(1.749.000.000)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	4.772.721
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.3	4.597.638.198	6.313.624.025
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.402.616.779)	(3.190.444.856)
11. Thu nhập khác	31	VI.4	513.097.000	766.502.640
12. Chi phí khác	32		7.836.841	66.092.127
13. Lợi nhuận khác	40		505.260.159	700.410.513
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.897.356.620)	(2.490.034.343)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.897.356.620)	(2.490.034.343)

Trần Thị Vân
Người lập biểu
Ngày 14 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Hữu Khiêm
Kế toán trưởng



Đào Văn Dũng
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(2.897.356.620)	(2.490.034.343)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	46.265.755	359.767.627
Các khoản dự phòng	03	(430.000.000)	(1.749.000.000)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.278.118.419)	(1.825.124.389)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	(4.559.209.284)	(5.704.391.105)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	1.231.083.303	3.179.848.788
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	-	361.435.460
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	108.084.752	(676.644.603)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(74.925.936)	(95.125.896)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.294.967.165)	(2.934.877.356)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	513.097.000	519.697.527
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(8.500.000.000)	(2.500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	9.300.000.000	2.600.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	795.377.582	1.329.251.236
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.108.474.582	1.948.948.763
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(1.186.492.583)	(985.928.593)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.449.475.499	4.435.404.092
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	2.262.982.916	3.449.475.499

Trần Thị Vân
Người lập biểu
Ngày 14 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Hữu Khiêm
Kế toán trưởng



Đào Văn Dũng
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là mỏ đá vôi Thống Nhất Hải Hưng được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 1958. Đến năm 1977 được đổi tên là Công ty Khai thác, Chế biến đá và Khoáng sản Hải Dương. Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 2740/QĐ-UB ngày 04 tháng 07 năm 2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0403000075 ngày 18 tháng 07 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 11 tháng 12 năm 2019, mã số thuế 0800282498.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 là 32.628.180.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi hai tỷ sáu trăm hai mươi tám triệu một trăm tám mươi nghìn đồng chẵn) tương ứng 3.262.818 cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, chế biến khoáng sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khai thác chế biến đá làm nhiên liệu, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Khai thác và chế biến đất sét;
- Khai thác tận thu chế biến Bauxits;
- Khai thác cát đất đồi;
- Sửa chữa cơ khí - điện; và
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính tại Số 87 Vũ Mạnh Hùng, Khu dân cư số 2, Phường Phú Thứ, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương.

Công ty chỉ đầu tư vào một công ty con là Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên có trụ sở chính tại Xóm Đồng Mẫu, Xã Tân Long, Huyện Đồng Hỷ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là khai thác, chế biến đá làm nguyên liệu, sản xuất vật liệu xây dựng. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 99,99%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 9 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 11 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình Lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Thuyết minh về giả định hoạt động liên tục

Đến thời điểm hiện tại, hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty đang ngừng hoạt động do các mỏ đã được cấp phép đã hết thời hạn khai thác, một số mỏ đã có quyết định đóng cửa mỏ. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 của Công ty đang bị lỗ với số tiền là 2.897.356.620 đồng, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm âm 3.294.967.165 đồng. Ban lãnh đạo Công ty cũng đã và đang thường xuyên đánh giá ảnh hưởng, quyết liệt triển khai các kế hoạch để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đã lập kế hoạch dòng tiền trong 12 tháng tiếp theo. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, dòng tiền kế hoạch của Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo.

Nguồn tiền lãi từ hoạt động đầu tư vào công ty con và các khoản tiền gửi có kỳ hạn ở các ngân hàng đủ để cho Công ty vận hành và duy trì các hoạt động của Công ty trong tương lai. Công ty tăng cường công tác phục hồi môi trường sau khai thác tại các mỏ đã hết thời hạn khai thác để thu hồi các khoản kỹ quỹ phục hồi môi trường. Ngoài ra, Ban Giám đốc của Công ty rất quan tâm đến hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị của Công ty con, cụ thể là Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên để đảm bảo nguồn lợi nhuận thu được từ Công ty con. Đồng thời, Công ty không có các khoản vay ngắn hạn bị quá hạn thanh toán. Dựa trên các cơ sở này, Ban Giám đốc của Công ty cho rằng việc lập Báo cáo tài chính riêng của Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc sau khi loại trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	04 - 16
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 14

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động. Dự phòng phải trả tại Công ty bao gồm: chi phí hoàn nguyên môi trường các mỏ Hàm Long, Áng Bát, Áng Rong, Tân Sơn và Bắc Tân Sơn.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tái tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	49.933.400	16.854.900
Tiền gửi ngân hàng	713.049.516	932.620.599
Các khoản tương đương tiền (*)	1.500.000.000	2.500.000.000
Cộng	2.262.982.916	3.449.475.499

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương - PGD Hoàng Thạch và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Dương có kỳ hạn 1 tháng và lãi suất từ 1,6 đến 2,1%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

2. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (*)	5.000.000.000	5.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (**)	3.500.000.000	3.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000
Cộng	8.500.000.000	8.500.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000

(*) Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương - PGD Hoàng Thạch theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 2,9%/năm đến 4,2%/năm.

(**) Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Dương theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất từ 4,2%/năm đến 6%/năm.

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Vinh	181.051.800	181.051.800
Công ty TNHH Sơn Thịnh	305.471.000	305.471.000
Công ty TNHH Đức Thành	282.248.000	282.248.000
Công ty TNHH Ánh Dương	163.061.700	163.061.700
Công ty TNHH MTV Thương mại và VT Đại Phú	163.020.500	163.020.500
Các khách hàng khác	458.106.500	488.284.012
Cộng	1.552.959.500	1.583.137.012

4. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên (i)	2.800.000.000	2.800.000.000
Cộng	2.800.000.000	2.800.000.000
b. Phải thu về cho vay dài hạn		
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên (i)	2.800.000.000	5.600.000.000
Cộng	2.800.000.000	5.600.000.000
Trong đó: Phải thu về cho vay là bên liên quan	5.600.000.000	8.400.000.000
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)</i>		

(i) Khoản cho vay theo hợp đồng số 01-2021/HĐVV ngày 02 tháng 04 năm 2021 và Phụ lục hợp đồng vay vốn số 01/PL.01-2021/HĐVV ngày 01/10/2022, số tiền 8.400.000.000 đồng, lãi suất vay 6%/năm, thời hạn vay 60 tháng. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

5. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn khác		
Tạm ứng	-	10.000.000
Kỳ quỹ cải tạo, phục hồi môi trường (*)	10.001.605.060	1.531.598.368
Lãi dự thu tiền gửi, cho vay	82.816.439	113.172.602
Cộng	10.084.421.499	1.654.770.970
b. Phải thu dài hạn khác		
Kỳ quỹ cải tạo, phục hồi môi trường (*)	-	9.522.631.773
Cộng	-	9.522.631.773

(*) Tiền kỳ quỹ cải tạo, phục hồi môi trường của các mỏ Hàm Long, Áng Bát, Áng Rong và Tân Sơn.

Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

6. NỢ XẤU

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Sơn Thịnh	305.471.000	-	305.471.000	305.471.000	-	305.471.000
Công ty TNHH Đức Thành	282.248.000	-	282.248.000	282.248.000	-	282.248.000
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Vinh	181.051.800	-	181.051.800	181.051.800	-	181.051.800
Công ty TNHH Ánh Dương	163.061.700	-	163.061.700	163.061.700	-	163.061.700
Các khoản khác	621.127.000	-	621.127.000	621.127.000	-	621.127.000
Cộng	1.552.959.500	-	1.552.959.500	1.552.959.500	-	1.552.959.500

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	1.472.997.493	2.705.789.091	942.735.650	79.490.000	5.201.012.234
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.705.789.091)	-	-	(2.705.789.091)
Số dư cuối năm	1.472.997.493	-	942.735.650	79.490.000	2.495.223.143
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	1.086.181.826	2.705.789.091	942.735.650	79.490.000	4.814.196.567
Khấu hao trong năm	46.265.755	-	-	-	46.265.755
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.705.789.091)	-	-	(2.705.789.091)
Số dư cuối năm	1.132.447.581	-	942.735.650	79.490.000	2.154.673.231
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	386.815.667	-	-	-	386.815.667
Tại ngày cuối năm	340.549.912	-	-	-	340.549.912

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 với giá trị là 1.670.986.658 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 4.581.769.949 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)**8. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (*) VND
Đầu tư vào công ty con						
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên	27.132.277.500	-	-	27.132.277.500	(430.000.000)	-
Cộng	27.132.277.500	-	-	27.132.277.500	(430.000.000)	-

(*) Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	672.496.722	-	-	672.496.722
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	27.519.752	275.565.432	45.655.800	257.429.384
Cộng	700.016.474	275.565.432	45.655.800	929.926.106
b. Các khoản phải trả				
Thuế thu nhập cá nhân	8.076.000	28.999.500	20.923.500	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	7.070.890	7.070.890	-
Cộng	8.076.000	36.070.390	27.994.390	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

10. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	Dự phòng chi phí hoàn nguyên môi trường (*) VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	11.896.239.195	11.896.239.195
Trích bổ sung/(hoàn nhập) dự phòng	2.904.227.000	2.904.227.000
Các khoản dự phòng đã sử dụng	2.808.911.598	2.808.911.598
Số dư cuối năm	11.991.554.597	11.991.554.597
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi tiết:	VND	VND
Nợ ngắn hạn	10.690.891.827	5.435.006.421
Nợ dài hạn	1.300.662.770	6.461.232.774
Cộng	11.991.554.597	11.896.239.195

(*) Chi phí hoàn nguyên môi trường là tổng chi phí ước tính phải bỏ ra để phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác theo các Đề án cải tạo phục hồi môi trường của Công ty đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương phê duyệt. Dự phòng chi phí hoàn nguyên môi trường cuối năm bao gồm các mỏ Hàm Long, Áng Bát, Áng Rồng, Tân Sơn và Bắc Tân Sơn.

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	32.628.180.000	15.683.746.585	48.311.926.585
Lợi nhuận tăng trong năm	-	(2.490.034.343)	(2.490.034.343)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(50.000.000)	(50.000.000)
Số dư đầu năm nay	32.628.180.000	13.143.712.242	45.771.892.242
Lợi nhuận tăng trong năm	-	(2.897.356.620)	(2.897.356.620)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(50.000.000)	(50.000.000)
Số dư cuối năm nay	32.628.180.000	10.196.355.622	42.824.535.622

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất chưa phân phối lũy kế đến thời điểm 31/12/2023 theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán là 3.900.020.610 đồng. Công ty trích quỹ khen thưởng - phúc lợi 50.000.000 đồng để chi quà cho người lao động nhân dịp các ngày lễ lớn trong năm 2024.

b. Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.262.818	3.262.818
- Cổ phiếu phổ thông	3.262.818	3.262.818
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.262.818	3.262.818
- Cổ phiếu phổ thông	3.262.818	3.262.818

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG****1. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, lãi kỳ quỹ	765.021.419	1.329.644.911
Cộng	765.021.419	1.329.644.911

2. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Dự phòng (Hoàn nhập) đầu tư vào công ty con	(430.000.000)	(1.749.000.000)
Cộng	(430.000.000)	(1.749.000.000)

3. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.111.397.574	1.583.921.360
Chi phí khấu hao TSCĐ	34.839.819	253.142.360
Thuế, phí và lệ phí	278.565.432	944.369.408
Trích lập/Hoàn nhập dự phòng phải trả	2.904.227.000	3.010.023.215
Chi phí mua ngoài	199.043.841	57.213.573
Chi phí bằng tiền khác	69.564.532	464.954.109
Cộng	4.597.638.198	6.313.624.025

4. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	513.097.000	495.479.478
Thu nhập khác	-	271.023.162
Cộng	513.097.000	766.502.640

5. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	1.111.397.574	1.583.921.360
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.839.819	253.142.360
Chi phí dịch vụ mua ngoài	199.043.841	61.986.294
Trích bổ sung/(Hoàn nhập) dự phòng	2.904.227.000	3.010.023.215
Chi phí khác bằng tiền	348.129.964	1.409.323.517
Cộng	4.597.638.198	6.318.396.746

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên	Công ty con
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc	Lãnh đạo chủ chốt
Ông Nguyễn Xuân Kiên	Cố đồng lớn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
a. Thanh lý Tài sản cố định	25.000.000	-
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên	25.000.000	-
b. Thu hồi tiền cho vay	2.800.000.000	2.600.000.000
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên	2.800.000.000	2.600.000.000
c. Lãi cho vay	434.000.000	543.000.000
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên	434.000.000	543.000.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Phải thu về cho vay	5.600.000.000	8.400.000.000
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên	5.600.000.000	8.400.000.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Ông Đào Văn Dũng - Phó chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	179.074.000	154.878.000
Ông Đoàn Văn Cường - Phó Giám đốc, Nguyên Thành viên HĐQT	190.533.000	157.707.000
Ông Hồ Văn Tuấn - Thành viên Ban kiểm soát, Nguyên Thành viên HĐQT	119.834.000	85.614.000
Ông Bùi Văn Quang - Trưởng Ban kiểm soát	149.131.000	-
Ông Cao Văn Cản - Nguyên Trưởng Ban kiểm soát	149.497.000	143.026.000
Cộng	788.069.000	541.225.000

2. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty chỉ có hoạt động duy nhất là lĩnh vực kinh doanh khai thác, chế biến khoáng sản. Do đó, theo quy định của chuẩn mực 28, Công ty không phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động trên cùng một lãnh thổ Việt Nam, không có sự khác biệt về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo khu vực địa lý nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. CAM KẾT HOẠT ĐỘNG

Công ty đã ký Hợp đồng thuê đất nộp tiền hàng năm số 550A/HĐ-TĐ ngày 24/06/2005 với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương, thuê đất tại thị trấn Phú Thù, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương với mục đích xây dựng trụ sở công ty. Thời hạn thuê đất đến ngày 19 tháng 10 năm 2030. Diện tích đất thuê là 3.264 m².

4. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính riêng.

5. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

Trần Thị Vân
Người lập biểu
Ngày 14 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Hữu Khiêm
Kế toán trưởng



Đào Văn Dũng
Giám đốc

